

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/KDTM-ST

Ngày: 23/9/2022

V/v: tranh chấp hợp đồng  
gia công

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hương Diệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Lê Quang Xệt;

2/ Ông Huỳnh Sơn Tây.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 60/2022/TLST-KDTM ngày 12 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng gia công theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Công ty TH; địa chỉ: khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: ông L VA, sinh năm 1985; thường trú: phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước; địa chỉ liên hệ: khu dân cư HT phường H thành phố T, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12/8/2022); có mặt.

***Bị đơn:*** Công ty NQ; địa chỉ: khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: ông N TH- Giám đốc; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2022, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông L VA trình bày:*

Ngày 01/3/2021, Công ty TH (gọi tắt là Công ty TH) và bị đơn Công ty NQ (gọi tắt là Công ty NQ) ký kết hợp đồng gia công hàng hóa số 01/HL-HĐGC/NQ. Nội dung hợp đồng, Công ty TH giao đơn hàng cho Công ty NQ để sản xuất các mặt hàng gia công đồ gỗ gia dụng cho Công ty TH, thời hạn thực hiện hợp đồng là từ ngày 01/3/2021 đến ngày 30/12/2021, giá trị của hợp đồng căn cứ vào hàng hóa gia công mà Công ty NQ giao hàng Công ty TH. Theo quy định tại điểm b khoản 4 của hợp đồng thì bên Công ty TH sẽ tạm ứng cho Công ty NQ 30% trị giá trên đơn hàng khi hai bên xác nhận đơn đặt hàng và khi nào thực hiện xong đơn hàng, tiền đặt cọc sẽ được coi là khoản tiền thanh toán đợt 01 của đơn hàng. Thực hiện hợp đồng, Công ty TH đã giao cho Công ty NQ 01 đơn hàng số 01/03/NQ-21 ngày 01/3/2021 và đã tạm ứng cho Công ty NQ 30% giá trị của hợp đồng tương ứng số tiền 180.000.000 đồng theo ủy nhiệm chi ngày 04/3/2021. Ngoài ra, Công ty TH cung cấp vật tư cho Công ty NQ với số tiền 53.830.600 đồng theo các phiếu xuất kho đề ngày 22/3/2021, ngày 24/3/2021 và ngày 26/3/2021. Tuy nhiên, sau khi tạm ứng tiền và giao vật tư cho Công ty NQ nhưng Công ty NQ không thực hiện hợp đồng gia công với Công ty TH. Sau nhiều lần Công ty TH điện thoại yêu cầu Công ty NQ thực hiện hợp đồng nhưng không có kết quả. Ngày 23/6/2021, Công ty TH gửi Công văn số 03/06/CV-2021 để chấm dứt đơn hàng với Công ty NQ và yêu cầu thanh toán số tiền 233.830.600 đồng chậm nhất ngày 30/6/2021 nhưng Công ty NQ vẫn không thanh toán cho Công ty TH. Do vậy, Công ty TH khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Tuyên chấm dứt hợp đồng gia công hàng hóa số 01/THL/HĐGD/NQ ngày 01/3/2021 giữa Công ty TH với Công ty NQ, buộc Công ty NQ thanh toán cho Công ty TH 233.830.600 đồng và lãi suất tính từ ngày 30/6/2021 đến ngày 30/3/2022 là 09 tháng với mức lãi suất 12%/năm = 21.044.754 đồng và yêu cầu Công ty NQ bồi thường thiệt hại với số tiền 360.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền Công ty NQ phải thanh toán là 614.875.354 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Công ty NQ thanh toán tiền lãi từ ngày 30/6/2021 đến ngày 30/3/2022 theo mức lãi suất 12%/năm với số tiền 21.044.754 đồng.

Chứng cứ do nguyên đơn giao nộp gồm bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TH; bản sao hợp đồng gia công hàng hóa số 01/THL/HĐGD/NQ ngày 01/3/2021; bản photo công văn số 03/06/CV-2021 ngày 23/6/2021; đơn đặt hàng ngày 01/3/2021; bản sao ủy nhiệm chi ngày 04/3/2021; bản chính phiếu xuất kho ngày 22, 24, 26/3/2021; giấy ủy quyền ngày 19/4/2022 và ngày 11/5/2022, ngày 12/8/2022; bản sao căn cước công dân ông Nguyễn TL; bản photo chứng minh nhân dân L VA; bản tự khai của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Xuất nhập khẩu TH; bản sao Công văn số 769/ĐKKD ngày 17/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương và bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty NQ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên xác định bị đơn Công ty NQ có trụ sở tại khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Tại Văn bản số 1154/ĐKKD ngày 08/9/2022 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương thể hiện Công ty NQ đăng ký hoạt động tại địa chỉ nêu trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chưa nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi, giải thể hay phá sản của Công ty NQ. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty NQ nhưng bị đơn không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, bị đơn vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty NQ.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Công ty NQ thanh toán tiền lãi từ ngày 30/6/2021 đến ngày 30/3/2022 theo mức lãi suất 12%/năm với số tiền 21.044.754 đồng. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu tính tiền lãi.

[3] Xét Hợp đồng gia công hàng hóa số 01/THLHĐGC/NQ ngày 01/3/2021 giữa Công ty TH và Công ty NQ, Hội đồng xét xử xét thấy: Công ty TH và Công ty NQ có ký kết hợp đồng gia công hàng hóa, nội dung hợp đồng là Công ty Thành Hoàng Lâm giao đơn hàng cho Công ty NQ để gia công hàng hóa cho Công ty TH, thời hạn hợp đồng từ ngày 01/3/2021 đến ngày 31/12/2021, các bên có thỏa thuận phương thức thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên. Căn cứ Điều 542 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng gia công có hiệu lực đối với các bên.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty TH về việc yêu cầu Tòa án tuyên chấm dứt hợp đồng gia công hàng hóa số 01/THL/HĐGD/NQ ngày 01/3/2021, Hội đồng xét xử xét thấy: tại Điều 7 của Hợp đồng, các bên thỏa thuận thời hạn thực hiện hợp đồng là từ ngày 01/3/2021 đến ngày 31/12/2021. Các bên không có thỏa thuận liên quan đến việc tiếp tục thực hiện hợp đồng. Như vậy, tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện, hợp đồng gia công hàng hóa số 01/THL/HĐGD/NQ

ngày 01/3/2021 giữa Công ty TH với Công ty NQ đã chấm dứt hiệu lực pháp luật.

[5] Căn cứ vào hợp đồng gia công hàng hóa số 01/THL/HĐGD/NQ ngày 01/3/2021, đơn đặt hàng ngày 01/3/2021, bản sao ủy nhiệm chi ngày 04/3/2021, phiếu xuất kho ngày 22/3/2021, ngày 24/3/2021 và ngày 26/3/2021 có căn cứ xác định Công ty TH đã chuyển khoản số tiền 180.000.000 đồng cho Công ty NQ để thực hiện đơn hàng ngày 01/3/2021 và cung cấp vật tư cho Công ty NQ với số tiền 53.830.600 đồng nhưng bị đơn Công ty NQ không thực hiện hợp đồng là vi phạm thỏa thuận giữa các bên được quy định tại Điều 5 của hợp đồng. Căn cứ Điều 546 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TH về việc yêu cầu bị đơn Công ty NQ thanh toán số tiền 233.830.600 đồng.

[6] Đối với yêu cầu buộc bồi thường thiệt hại với số tiền 360.000.000 đồng. Xét thấy, tại Điều 5 của hợp đồng, các bên thỏa thuận nếu bên Công ty NQ không thực hiện đơn hàng thì phải trả lại tiền cọc và bồi thường gấp đôi tiền cọc. Như vậy, Công ty NQ không thực hiện hợp đồng nên phải chịu hậu quả là bồi thường gấp đôi số tiền cọc cho Công ty TH với số tiền 360.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[7] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TH, buộc bị đơn Công ty NQ có nghĩa vụ thanh toán 593.830.833 đồng.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[9] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 30, 35, 147, 227, 228, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 24, Điều 50 của Luật Thương mại;

- Khoản 2 Điều 468, 542, 546 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TH với bị đơn Công ty NQ về việc yêu cầu thanh toán tiền lãi 21.044.754 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TH với bị đơn Công ty NQ về việc tranh chấp hợp đồng gia công.

2.1 Tuyên chấm dứt hợp đồng gia công hàng hóa số 01/THL/HĐGD/NQ ngày 01/3/2021 giữa Công ty TH với bị đơn Công ty NQ.

2.2 Buộc Công ty NQ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Xuất nhập khẩu TH 593.830.833 đồng (năm trăm chín mươi ba triệu tám trăm ba mươi nghìn tám trăm ba ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc Công ty NQ phải chịu 27.753.233 đồng.

Trả lại cho Công ty TH 14.297.500 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006030 ngày 29/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Hương Diệp**

